

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1220/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 24/TTr-LĐTBXH ngày 19 tháng 4 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (có quy trình kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Q. CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Cao Tường Huy**

## Phụ lục

## Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

(Kèm theo Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT      | CÁC BƯỚC | TRÌNH TỰ, NỘI DUNG THỰC HIỆN  | BỘ PHẬN CÔNG CHỨC THỰC HIỆN   | THỜI GIAN THỰC HIỆN (ngày làm việc) | CẤP CÓ THẨM QUYỀN CAO HƠN PHÊ DUYỆT | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC                          |
|----------|----------|---|---|-------------------------------------|-------------------------------------|--|
| <b>I</b> |          | <b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>  |   |                                     |                                     |  |
| <b>1</b> |          | <b>Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo; hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm</b>  |   | <b>104 ngày</b>                     |                                     | <b>Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 09/5/2023</b> |
|          | Bước 1   | Tiếp nhận, xem xét hồ sơ  | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã | 1 ngày                              | Xin ý kiến Chủ tịch UBND cấp huyện  |  |
|          | Bước 2   | Thực hiện công tác chuyên môn, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: lập danh sách, rà soát, họp dân lấy ý kiến thống nhất                      | Cán bộ giám nghèo, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã                                     | 76 ngày                             |                                     |  |
|          | Bước 3   | Niên yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hóa thôn, khu phố.<br>Phục tra khi có ý kiến khiếu nại; niên yết kết quả phúc tra (nếu có) | BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã<br><br>BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã                                    | 3 ngày<br><br>10 ngày               |                                     |  |

| STT      | CÁC BƯỚC  | TRÌNH TỰ, NỘI DUNG THỰC HIỆN   | BỘ PHẬN CÔNG CHỨC THỰC HIỆN   | THỜI GIAN THỰC HIỆN (ngày làm việc) | CẤP CÓ THẨM QUYỀN CAO HƠN PHÊ DUYỆT | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THHC                   |
|----------|---|--|---|-------------------------------------|-------------------------------------|---|
|          | Bước 4  | UBND cấp xã báo cáo xin ý kiến của UBND cấp huyện  | Chủ tịch UBND huyện   | 7 ngày                              |                                     |   |
|          | Bước 5  | Phê duyệt  | Chủ tịch UBND cấp xã  | 6 ngày                              |                                     |   |
|          | Bước 6  | Trả kết quả  | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã |                                     |                                     |   |
| <b>2</b> | <b>Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm</b> |  |   |                                     |                                     |   |
|          | Bước 1  | Tiếp nhận, xem xét hồ sơ   | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã | 0,5 ngày                            | Không                               | Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 |
|          | Bước 2  | Thực hiện công tác chuyên môn, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: lập danh sách, rà soát, họp dân lấy ý kiến thống nhất | Cán bộ giám nghèo, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã                                     | 8,5 ngày                            |                                     |   |
|          | Bước 3  | Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hóa thôn, khu phố   | BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã   | 3 ngày                              |                                     |   |
|          |   | Phức tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phức tra (nếu có)   | BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã   | 10 ngày                             |                                     |   |
|          | Bước 4  | Phê duyệt  | Lãnh đạo UBND cấp xã  | 3 ngày                              |                                     |   |

| STT      | CÁC BƯỚC  | TRÌNH TỰ, NỘI DUNG THỰC HIỆN   | BỘ PHẬN CÔNG CHỨC THỰC HIỆN   | THỜI GIAN THỰC HIỆN (ngày làm việc)   | CẤP CÓ THẨM QUYỀN CAO HƠN PHÊ DUYỆT | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THHC                           |
|----------|---|--|---|---|-------------------------------------|---|
|          | Bước 5  | Trả kết quả  | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã |   |                                     |   |
| <b>3</b> | <b>Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm</b> |  |   | <b>15 ngày (nếu có phúc tra và niêm yết kết quả phúc tra công thêm 10 ngày)</b> |                                     | <b>Quyết định số 1168/QĐ -UBND ngày 09/5/2023</b> |
|          | Bước 1  | Tiếp nhận, xem xét hồ sơ   | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã | 0,5 ngày  |                                     |   |
|          | Bước 2  | Thực hiện công tác chuyên môn, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: lập danh sách, rà soát, họp dân lấy ý kiến thống nhất                     | Cán bộ giảm nghèo, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã                                     | 8,5 ngày  |                                     |   |
|          | Bước 3  | Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hóa thôn, khu phố<br>Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có) | BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã<br><br>BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã                                    | 3 ngày<br><br>10 ngày   | Không                               |   |
|          | Bước 4  | Phê duyệt  | Lãnh đạo UBND cấp xã  | 3 ngày  |                                     |   |
|          | Bước 5  | Trả kết quả  | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã |   |                                     |   |

| STT | CÁC BƯỚC | TRÌNH TỰ, NỘI DUNG THỰC HIỆN   | BỘ PHẬN CÔNG CHỨC THỰC HIỆN   | THỜI GIAN THỰC HIỆN (ngày làm việc)                                      | CẤP CÓ THẨM QUYỀN CAO HƠN PHÊ DUYỆT | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THHC                   |
|-----|----------|--|---|--|-------------------------------------|---|
| 4   |          | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, và diêm nghiệp có mức sống trung bình  |   | 15 ngày (nếu có phúc tra và niêm yết kết quả phúc tra cộng thêm 10 ngày) |                                     | Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 |
|     | Bước 1   | Tiếp nhận, xem xét hồ sơ   | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã | 0,5 ngày   |                                     |   |
|     | Bước 2   | Thẩm định, xem xét hồ sơ   | Cán bộ giám nghèo, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã                                     | 8,5 ngày   |                                     |   |
|     | Bước 3   | Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hóa thôn, khu phố<br>Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có) | BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã<br>BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã  | 3 ngày<br>3 ngày   | Không                               |   |
|     | Bước 4   | Phê duyệt  | Lãnh đạo UBND cấp xã  | 3 ngày   |                                     |   |
|     | Bước 5   | Trả kết quả  | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã |  |                                     |   |